

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:18/2021/DS-ST

Ngày 07/7/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

***-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn V Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Hưng, ông Phạm V Miên

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Phùng Lê Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa:***  
Ông Đinh Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2021/TLST-DS ngày 29/4/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị V

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt

- Bị đơn: Bà Đào Thị Xuân L

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Do có quan hệ quen biết nhau, nên bà Bùi Thị V có cho bà Đào Thị Xuân L vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), Bà L là người viết giấy vay tiền ghi ngày 9/2/2019 âm lịch, (tức ngày 14/3/2019 dương lịch) và ghi hẹn 3 tháng sẽ trả hết nợ, không thỏa thuận trả lãi, bà V là người giữ giấy vay tiền. Sau khi vay đến nay bà L không trả nợ theo thỏa thuận. Do đó bà V khởi kiện yêu cầu bà L trả hết nợ gốc 10.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L thừa nhận có vay nợ 10.000.000đ của bà V theo giấy vay tiền ghi ngày 09/02/2019 âm lịch, trong đó bao gồm 2.700.000đ tiền lãi của số tiền đã vay trước và thỏa thuận trả lãi bằng miệng là 3000đ/1.000.000đ/ngày. Do khó khăn, nên chỉ có thể trả 500.000đ/tháng cho đến

khi trả hết nợ cho bà V, không chấp nhận trả tiền lãi.

**Chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:**

- 01 Sổ hộ khẩu (phô tô); 01 Giấy chứng minh nhân dân (phô tô)
- 01 Giấy vay tiền (bản gốc).

**Tại phiên tòa:**

+Nguyên đơn bà Bùi Thị V trình bày, đề nghị buộc bị đơn bà Đào Thị Xuân L trả 10.000.000đ nợ gốc và buộc trả tiền lãi quá hạn phát sinh tính từ ngày 15/6/2019 (ngày tiếp theo của thời hạn thỏa thuận trả nợ trong 3 tháng theo giấy vay tiền) theo quy định của pháp luật.

+Bị đơn bà Đào Thị Xuân L vắng mặt, nên không có ý kiến tại phiên tòa.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng khác.

**\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

- Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị V.

+Buộc bà Đào Thị Xuân L trả 10.000.000đ nợ gốc và tiền lãi quá hạn theo quy định của pháp luật cho bà Bùi Thị V.

-Về án phí: Buộc bị đơn bà Đào Thị Xuân L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo giấy vay tiền thể hiện ngày 09/02/2019 âm lịch (tức ngày 14/3/2019 dương lịch), bà Bùi Thị V cho bà Đào Thị Xuân L vay 10.000.000đ, có thỏa thuận thời hạn trả nợ là 3 tháng, không thỏa thuận trả lãi. Tuy nhiên đến hạn trả nợ và đến nay bà L không trả cho bà V một khoản tiền nào, nên bà V làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn bà Đào Thị Xuân L tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho bị đơn bà Đào Thị Xuân L để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng bà L vắng mặt lần thứ 2 mà không có căn cứ vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà Đào Thị Xuân L theo quy định của pháp luật.

[3] Về giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị V: Theo nội dung Giấy vay tiền ghi ngày 9/02/2019 âm lịch tức ngày 14/3/2019 dương lịch) (Bút lục BL 05), thể hiện bà Đào Thị Xuân L có vay của bà Bùi Thị V 10.000.000đ, có

thỏa thuận thời hạn trả nợ là 3 tháng, không có thỏa thuận trả lãi. Bà L thừa nhận đến nay chưa trả được cho bà V và do hiện nay khó khăn, nên bà L ý kiến chỉ có thể trả 500.000đ/ tháng cho đến khi trả hết nợ và không chấp nhận trả tiền lãi. Như vậy bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết thỏa thuận, nên bà V khởi kiện yêu cầu bà L trả 10.000.000đ nợ gốc và tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn bà Bùi Thị V: Theo nội dung Giấy vay tiền các bên không ghi thỏa thuận về trả tiền lãi. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày có thỏa thuận bằng miệng trả lãi 3000đ/1.000.000đ/ngày, song không có chứng cứ để chứng minh và bà L cũng chưa trả được khoản tiền lãi nào, đồng thời bà V không thừa nhận hai bên có thỏa thuận trả lãi.

Do đó căn cứ vào khoản 4 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, cần buộc bà L phải trả lãi quá hạn trên nợ gốc cụ thể:

- Lãi suất trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 15/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (07/7/2021) là:

$10.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \times 24 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 2.044.566 \text{ đồng}.$

\*Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn là:

$10.000.000\text{đ} + 2.044.566 \text{ đ} = 12.044.566 \text{ đ}$  (Mười hai triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm sáu mươi sáu đồng).

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

-Cần buộc bị đơn bà Đào Thị Xuân L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo pháp luật quy định cụ thể là:

$12.044.566 \text{ đ} \times 5\% = 602.228\text{đ}$  (Sáu trăm lẻ hai ngàn hai trăm hai mươi tám đồng)

-Tuyên trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Bùi Thị V theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

-Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227,228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Các Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Xử:

+Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị V.

+Buộc bà Đào Thị Xuân L trả cho bà Bùi Thị V 12.044.566 đ (Mười hai triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm sáu mươi sáu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi, (trong đó 10.000.000đ tiền gốc và 2.044.566 đ tiền lãi)

+Buộc Đào Thị Xuân L chịu 602.228đ (Sáu trăm lẻ hai ngàn hai trăm hai mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

+Trả lại cho bà Bùi Thị V 304.000đ (Ba trăm lẻ bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006505 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực ( đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án ( đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật lên Tòa án nhân dân tỉnh G để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS cung cấp;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn V Thanh**